QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000 KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN VI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TIÊN NGOẠI, XÃ TIÊN SƠN VÀ XÃ YÊN NAM, THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M01	X 2280705.867	Y 600204.432
M02	X 2280584.027	Y 600956.760
M03	X 2280542.744	Y 601212.299
M04	X 2280503.662	Y 601468.184
M05	X 2280501.216	Y 601500.161
M06	X 2280499.456	Y 601696.535
M07	X 2280499.456	Y 601986.607
M08	X 2280499.456	Y 602046.767
M09	X 2280499.456	Y 602117.636
M10	X 2280530.458	Y 602179.019
M11	X 2280509.097	Y 602164.448
M12	X 2280457.456	Y 602112.625
M13	X 2280457.456	Y 602000.686
M14	X 2280390.850	Y 602023.754
M15	X 2280274.285	Y 601850.682
M16	X 2280252.387	Y 601812.938
M17	X 2280392.651	Y 601731.565
M18	X 2280120.266	Y 601272.315
M19	X 2279813.201	Y 601321.003
M20	X 2279740.170	Y 601258.189
M21	X 2279558.035	Y 601321.130
M22	X 2279548.943	Y 601295.634
M23	X 2279497.138	Y 601314.107
M24	X 2279508.803	Y 601346.819
M25	X 2279146.141	Y 601465.503
M26	X 2279002.087	Y 601422.366
M27	X 2278919.410	Y 601422.366
M28	X 2278928.118	Y 601568.968
M29	X 2278537.667	Y 601628.078
M30	X 2278395.581	Y 600377.768
M31	X 2278931.732	Y 600276.360
M32	X 2278998.336	Y 600265.693
M33	X 2278918.941	Y 600381.395
M34	X 2278887.245	Y 600440.385
M35	X 2278897.703	Y 600639.122
M36	X 2279042.146	Y 600709.608
M37	X 2279175.434	Y 600709.608
M38	X 2279175.434	Y 600255.915
M39	X 2279312.561	Y 600251.302

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT KCN ĐỒNG VĂN VI

STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD (%)	TẦNG CAO, CHIỀU CAO TỐI ĐA (TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT
1	**CC**	**ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ KCN**	**6,78**	**2,71**			
1.1	DV.01	Đất hành chính, dịch vụ KCN	4,24		65	8	5,20
1.1	DV.02	Đất hành chính, dịch vụ KCN	2,54		65	8	5,20
2	**CN**	**ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TẦNG**	**177,62**	**71,05**	**65**	**5**	3,25
2.1	CN.01	Đất nhà máy, kho tầng	27,51		65	5	3,25
2.2	CN.02	Đất nhà máy, kho tầng	28,52		65	5	3,25
2.3	CN.03	Đất nhà máy, kho tầng	6,57		65	5	3,25
2.4	CN.04	Đất nhà máy, kho tầng	23,69		65	5	3,25
2.5	CN.05	Đất nhà máy, kho tầng	40,10		65	5	3,25
2.6	CN.06	Đất nhà máy, kho tầng	7,64		65	5	3,25
2.7	CN.07	Đất nhà máy, kho tầng	16,94		65	5	3,25
2.8	CN.08	Đất nhà máy, kho tầng	17,11		65	5	3,25
2.9	CN.09	Đất nhà máy, kho tầng	9,54		65	5	3,25
3	**CX**	**CÂY XANH, MẶT NƯỚC**	**30,95**	**12,38**			
3.1		Cây xanh	25,57	10,23	5	1	0,05
3.2		Mặt nước	5,38	2,15			
4	**HTKT**	**ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT**	**2,63**	**1,05**	**60**	**5**	3,00
4.1	HTKT.1	Trạm cấp nước, PCCC,XLNT	2,63	1,05	60	5	3,00
5		**ĐẤT GIAO THÔNG**	**32,02**	**12,81**			
5.1		Bãi đỗ xe	0,91	0,36	10	3	0,30
5.2		Giao thông nội bộ	31,11	12,44			
		TỔNG CỘNG	**250,00**	**100,00**			

MẶT CẮT ĐƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP

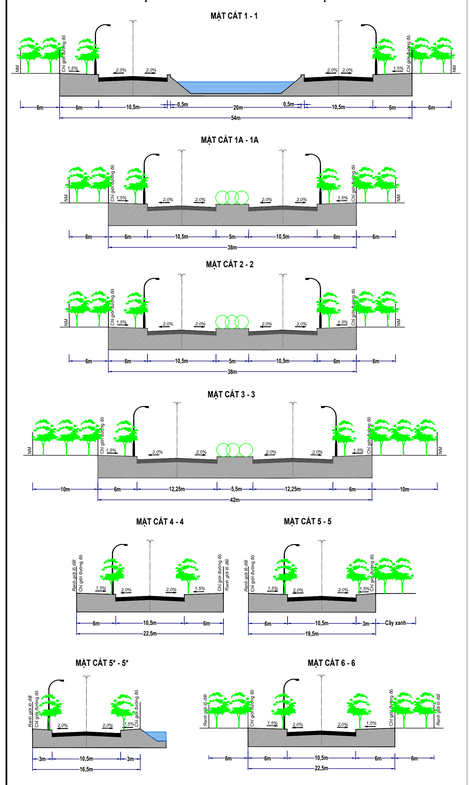

B

0 60M 300M

1ĐV = 60M

KÝ HIỆU:

- ĐẤT DỊCH VỤ
- ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KHO BÃI
- ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DÙNG
- ĐẤT SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
- BÃI ĐỖ XE
- RANH GIỚI KHU CÔNG NGHIỆP

A / B C D / E
- A: TÊN LÔ ĐẤT
- B: MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA (%)
- C: TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)
- D: HỆ SỐ SDD (LẦN)
- E: DIỆN TÍCH (HA)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND TỈNH HÀ NAM
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ NAM
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ:.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2023

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000
KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN V
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG TIÊN NỘI, XÃ TIÊN NGOẠI VÀ XÃ YÊN NAM, THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

TÊN BẢN VẼ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-04	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: FIT	HT: 2023
THIẾT KẾ	KTS. VŨ ĐÌNH TRỌNG		
CHỦ TRÌ	KTS. VŨ ĐÌNH TRỌNG		
CHỦ NHIỆM C.T	KTS. HỨA VIẾT TRÍ		
GIÁM ĐỐC TT	KS. BÙI MINH KHÁNH		
Q.L. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN SƠN		

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY:
THS. KTS. HOÀNG THỊ NGỌC LOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM (VCC)
ĐC: Tầng 8-11, Số 10 Hoa Lư, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: 024 - 39 761784 / 024 - 22206898 FAX: 024 - 22206366